

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường: Trường Đại học Phan Châu Trinh

Địa chỉ: Cơ sở 1: 02 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

Cơ sở 2: 09 Nguyễn Gia Thiều, P Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam

Điện thoại: 0235 6260002; 3 757 959

Website: <http://www.pctu.edu.vn/>

Sứ mệnh: Trường đại học Phan Châu Trinh được thành lập vào ngày 06 tháng 08 năm 2007 theo Quyết định 989/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trường nằm ở trung tâm thành phố Hội An, thành phố được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới. Hội An còn được xem là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của du khách trong nước và quốc tế, là nơi có môi trường lý tưởng cho sinh viên học ngoại ngữ và du lịch, an toàn về xã hội và có cơ hội việc làm cao.

Mục tiêu của trường là xây dựng một trường đại học chất lượng, danh tiếng, trong đó ngành Y khoa được đề cao, đạt những tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục Đào tạo và Quốc tế. Nâng cao khả năng thực hành trong các chương trình đào tạo trên cơ sở gắn kết nghiên cứu các kỹ thuật công nghệ mới vào học và làm việc, gắn kết đào tạo với thực tiễn.

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành	Quy mô hiện tại: Đại học
Khối ngành III	55
Khối ngành V	27
Khối ngành VII	247
Tổng	329

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Trường đại học Phan Châu Trinh kết hợp 2 hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kỳ thi THPT Quốc Gia (40% chỉ tiêu) và xét tuyển theo tiêu chí riêng của Nhà trường (60% chỉ tiêu)

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước và học sinh quốc tế

2.3. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Phan Châu Trinh (sau đây gọi tắt là Nhà trường) kết hợp 2 hình thức tuyển sinh:

2.3.1. Đối với ngành Y khoa: Xét tuyển theo kỳ thi THPT Quốc Gia (45 chỉ tiêu) và xét tuyển theo tiêu chí riêng của Nhà trường (05 chỉ tiêu)

2.3.1. Đối với các ngành còn lại: Xét tuyển theo kỳ thi THPT Quốc Gia (40% chỉ tiêu) và xét tuyển theo tiêu chí riêng của Nhà trường (60% chỉ tiêu).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Đại học: 550 chỉ tiêu

Mã Trường	Mã ngành <i>(theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT)</i>	Tên ngành	Chỉ tiêu Đại học (550)	
			Kết quả kỳ thi THPTQG	Đề án tuyển sinh riêng
DPC	7720101	Y khoa	45	05
	7480201	Công nghệ thông tin	24	36
	7340301	Kế toán	24	36
	7310603	Việt Nam học	24	36
	7229030	Văn học	20	30
	7220201	Ngôn Ngữ Anh	36	54
	7220204	Ngôn Ngữ Trung Quốc	36	54
	7340101	Quản trị kinh doanh	36	54

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

2.5.1 Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia do các trường Đại học tổ chức theo quy định của Bộ GD&ĐT

2.5.1.1 Tiêu chí xét tuyển

a. Nhà trường dành 45 chỉ tiêu xét tuyển cho ngành Y khoa và 40% chỉ tiêu cho các ngành còn lại để xét tuyển theo kết quả thi tuyển sinh theo kỳ thi THPT quốc gia đối với thí sinh có đăng ký sử dụng kết quả thi để xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

b. Sau khi có kết quả thi THPT quốc gia Nhà trường sẽ công khai mức điểm nhận hồ sơ ĐKXT.

c. Chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Đợt xét tuyển, thời gian nhận đăng ký xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT (đăng ký xét tuyển trực tuyến hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện). Ngoài ra Trường cũng nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển tại trường theo địa chỉ: Trường Đại học Phan Châu Trinh, Cơ sở 2: 09 Nguyễn Gia Thiều, P Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam. Điện thoại: 0235. 3 757 959.

e. Căn cứ vào chỉ tiêu và khối thi xét tuyển theo từng ngành, trường công bố điểm chuẩn và gọi thí sinh nhập học theo thời gian quy định của trường đăng ký trong Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2018.

2.5.1.2 Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển để đảm bảo chất lượng nguồn tuyển:

a. Thí sinh có kết quả từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Trường công bố;

b. Điểm trúng tuyển không nhân hệ số điểm môn thi;

c. Nguyên tắc xét tuyển chung: Lấy điểm xét tuyển là tổng điểm 03 (ba) môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển, xét trúng tuyển đối với thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất trở xuống đến đủ chỉ tiêu.

Đối với thí sinh đăng ký 2 nguyện vọng vào ngành khác nhau, trường sẽ xét ưu tiên nguyện vọng 1, nếu trúng tuyển Trường sẽ không xét đến nguyện vọng 2, nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng 2, Trường sẽ xem xét nguyện vọng 2 bình đẳng với các nguyện vọng cùng ngành của thí sinh khác. Cách xét tuyển này đảm bảo thí sinh có thể trúng tuyển vào nguyện vọng tốt nhất với kết quả thi của thí sinh.

2.5.1.3 Lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký tuyển sinh, chính sách ưu tiên tuyển sinh và lệ phí tuyển sinh:

- Lịch tuyển sinh: Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đăng ký xét tuyển:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Bộ GDĐT

+ Thời gian đăng ký dự thi, đợt xét tuyển: thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Hình thức đăng ký: Đăng ký trực tuyến, gửi chuyển phát nhanh (qua bưu điện) hoặc có thể nộp trực tiếp tại địa chỉ: Trường Đại học Phan Châu Trinh, Cơ sở 2: 09 Nguyễn Gia Thiều, P Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam. Điện thoại: 0235. 3 757 959.

2.5.2 Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT

2.5.2.1 Tiêu chí xét tuyển:

Nhà trường xét tuyển bậc Đại học dựa trên tiêu chí: Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 ≥ 6.0 (trừ ngành Y khoa).

2.5.2.2 Xét tuyển:

- Điểm xét tuyển (ĐXT):

ĐXT = Điểm Trung bình chung cuối năm lớp 12 (theo Học bạ THPT)

- Nguyên tắc xét tuyển: Đối với thí sinh đáp ứng được tiêu chí xét tuyển trên theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đủ 60% chỉ tiêu đã xác định của mỗi ngành.

2.5.3 Xét tuyển đối với đối tượng là học sinh người nước ngoài, học sinh các trường THPT Quốc tế

2.5.3.1 Tiêu chí xét tuyển:

- Nhà trường xét tuyển bậc Đại học dựa trên tiêu chí: Điểm trung bình chung của năm cuối cấp (GPA) ≥ 2.0 (hoặc tương đương)

- Kết quả phỏng vấn.

2.5.3.2 Xét tuyển:

- Điểm xét tuyển (ĐXT): Là điểm Trung bình chung của năm cuối cấp (GPA)

Ghi chú: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Nguyên tắc xét tuyển: Hội đồng Tuyển sinh xem xét kết quả học tập và số lượng chỉ tiêu từng ngành để xét tuyển thẳng từ cao xuống thấp. Kết quả xét tuyển thẳng được công bố công khai theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.4 Xét tuyển đối với đối tượng đã tốt nghiệp đại học, thạc sĩ

2.5.4.1 Tiêu chí xét tuyển:

- Đối với ngành Y khoa: Chỉ xét những thí sinh tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên hoặc thạc sĩ các ngành/nhóm ngành: sinh học, khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, sức khỏe.

- Đối với các ngành khác: Xét những thí sinh tốt nghiệp đại học chính quy ở ngành khác với ngành dự tuyển.

- Kết quả phỏng vấn.

2.5.4.2 Xét tuyển:

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Hội đồng Tuyển sinh xem xét kết quả học tập, kết quả phỏng vấn và số lượng chỉ tiêu từng ngành để xét tuyển thẳng từ cao xuống thấp. Kết quả xét tuyển thẳng được công bố công khai theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5.5 *Xét tuyển đối với đối tượng học sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế.*

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

STT	Mã trường	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
		<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>		
1	DPC	Y khoa	7720101	B00, D90, D91, D93
2		Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, D01, B00
3		Kế toán	7340301	A00, A01, D01, B00
4		Việt Nam học	7310603	B00, C00, A01, D01
5		Văn học	7229030	B00, C00, A01, D01
6		Ngôn ngữ Anh	7220201	B00, C00, A01, D01
7		Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	A01, D01, D04, D07
8		Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, B00

Ghi chú: Các tổ hợp môn thi theo khối do Bộ GD&ĐT quy định

Tổ hợp môn theo khối xét tuyển	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lí	Hóa học
A01	Toán	Vật lí	Tiếng Anh
A02	Toán	Vật lí	Sinh học
B00	Toán	Hóa học	Sinh học
C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí

Tổ hợp môn theo khối xét tuyển	Môn 1	Môn 2	Môn 3
D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh
D04	Ngữ văn	Toán	Tiếng Trung
D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh
D90	Toán	Tiếng Anh	Khoa học tự nhiên
D91	Toán	Tiếng Pháp	Khoa học tự nhiên
D93	Toán	Tiếng Nga	Khoa học tự nhiên
D11	Ngữ văn	Vật lí	Tiếng Anh

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

a. Thời gian nhận hồ sơ

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2017 trở về trước: Trường nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 10/05/2018.
- Đối với các thí sinh thi tốt nghiệp năm 2018: Trường nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày có kết quả tốt nghiệp đến hết ngày 30/11/2018.

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gián tiếp (qua bưu điện) về địa chỉ:

Cơ sở 2: Trường đại học Phan Châu Trinh - Số 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

b. Thời gian nhập học

- Đợt 1: Từ ngày 24/07/2018 đến ngày 28/07/2018
- Đợt 2: Từ ngày 01/08/2018 đến ngày 30/08/2018
- Đợt 3: Từ ngày 01/09/2018 đến ngày 30/10/2018

c. Quy trình tuyển sinh

- Bước 1: Nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển, bao gồm:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển;
 - + Phiếu điểm (Nếu xét tuyển dựa vào điểm thi kỳ thi quốc gia 2018)
 - + 02 ảnh 4x6 (mới chụp trong vòng 6 tháng trở lại đây);
 - + Học bạ THPT/BTVH (bản sao có chứng thực);
 - + Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);
 - + Hai phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên lạc, email của thí sinh để trường thông báo kết quả xét tuyển.

- Bước 2: Xét hồ sơ
 - + Hồ sơ phải thỏa mãn ngưỡng tối thiểu về học lực (nếu xét tuyển theo học bạ) hoặc theo qui định của Bộ GDĐT (nếu xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi quốc gia)
- Bước 3: Xét tuyển
 - + Xét tuyển theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Bước 4: Thông báo kết quả xét tuyển và gửi Giấy báo nhập học
 - + Thông báo kết quả xét tuyển trên trang web của nhà trường và các phương tiện truyền thông khác.
 - + Nhà trường gửi Giấy báo nhập học cho những thí sinh trúng tuyển theo địa chỉ của thí sinh đã cung cấp

2.8. Chính sách ưu tiên:

Áp dụng chính sách điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên Đại học hệ chính quy

- Đối với ngành Y khoa: 30,0 triệu/ 1 học kỳ
- Đối với các ngành còn lại: 5,5 triệu / 1 học kỳ

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1: 10/09/2018

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2: 10/10/2018

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 3: 10/11/2018

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 6,8 ha + 15 ha đang mở rộng cơ sở mới
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 15173 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 22 phòng

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành tin học	Máy tính
2	Phòng thực hành ngoại ngữ	Thiết bị nghe nhìn
3	Phòng thực hành điều dưỡng, dinh dưỡng và vệ sinh ATTP, SKMT và SKNN, giải phẫu, Vật lý trị liệu – PHCN, Trung tâm thực hành kỹ năng y khoa gồm các module: Hệ nội, hệ Ngoại, Phụ - sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu, RHM, TMH, mắt.	Thiết bị thực hành
4	Phòng thí nghiệm sinh học - di truyền, lý sinh, hóa học, mô phôi, sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng, giải phẫu bệnh, sinh lý – miễn dịch, dược lý.	Thiết bị thí nghiệm

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
2	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	6
3	Số phòng học dưới 50 chỗ	13
4	Số phòng học đa phương tiện	9

4.1.4. Thống kê về học liệu trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành III	658
2	Khối ngành V	419
3	Khối ngành VI	1299
4	Khối ngành VII	2256
5	Khác	1150
Tổng		5782

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CĐ
Khối ngành III							
Trần Ngọc Sơn			x				
Nguyễn Đình Huỳnh			x				
Bùi Thanh Hằng				x			
Lê Thanh Tùng				x			
Nguyễn Đông Hòa				x			
Lê Thủy Thành				x			
Hoàng Trung Hưng				x			
Trương Thị Minh Tâm				x			
Nguyễn Anh Thuận				x			
Phạm Thị Tuyết Hạnh						x	
Nguyễn Vũ Huyền Nga						x	
Trần Ngọc Quỳnh						x	
Lê Thị Xuân Trang						x	
Đoàn Hồng Lê			x				
Hoàng Thị Minh Hạnh				x			
Lê Thu Hà				x			
Phan Khánh Linh				x			
Tạ Nam Bình				x			
Tổng khối ngành III	0	0	3	11	0	4	
Khối ngành V							
Ngô Văn Tuấn						x	
Bùi Việt Tâm						x	
Nguyễn Văn Minh				x			
Ngô Đắc Bin						x	
Lê Trương Thanh Thảo						x	
Chu Hảo		x					
Nguyễn Cửu Thị Ánh Mai				x			
Nguyễn Thị Uyên Thảo				x			
Nguyễn Trần Hữu Bách				x			
Trần Văn Công Thành				x			
Nguyễn Tấn Sĩ				x			
Tổng khối ngành III	0	1		6	0	4	

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CD
Khối ngành VI							
Ngô Thị Minh Phương					x		
Lê Thị Hoàng Yến					x		
Nguyễn Văn Bằng			x				
Phan Hữu Nhân					x		
Bùi Duy Tâm	x						
Nguyễn Thị Hồng Oanh					x		
Phạm Hùng Vân			x				
Lê Anh Tuấn					x		
Nguyễn Thị Lệ		x					
Đào Nguyễn Thùy Dương						x	
Nguyễn Kim Duy					x		
Nguyễn Xuân Loan					x		
Ngô Hùng Dũng			x				
Nguyễn Thanh Bình				x			
Huỳnh Vĩ Thắng				x			
Lê Kim Lộc					x		
Đoàn Quyết Dũng				x			
Phạm Trường Linh					x		
Nguyễn Thị Nhạn		x					
Võ Văn Thu					x		
Đình Tấn Tài				x			
Lê Quang Quốc Ánh		x					
Lương Phong Nhã					x		
Phan Gia Anh Bảo			x				
Nguyễn Thị Thanh Nga					x		
Lý Thanh Thư				x			
Lê Hoàng Việt					x		
Cao Bá Đồng						x	
Lương Ngọc Sở Vân				x			
Phạm Văn Bình					x		
Lê Quý Hồng Phát				x			
Nguyễn Hữu Đức					x		
Nguyễn Văn Hùng					x		
Lê Viết Tín				x			

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CD
Huỳnh Công Trứ					x		
Vũ Thị Quỳnh Nga				x			
Lê Hùng Vương					x		
Hồ Khả Cảnh		x					
Phạm Thị Hương Sen					x		
Lê Phước Pha					x		
Vũ Thị Tuyết Lê			x				
Lê Quý Dũng					x		
Dương Thị Như Ngọc						x	
Nguyễn Thị Thu Thủy						x	
Phan Công Long					x		
Bùi Thị Hồng Liên					x		
Tổng khối ngành VI	1	4	5	9	23	4	
Khối ngành VII							
Lê Tiến Công			x				
Trần Võ Hiếu Thuận				x			
Nguyễn Thị Phương Lan				x			
Võ Thị Bích Nga				x			
Phan Thị Trang Nhung				x			
Đặng Phúc Hậu				x			
Hoàng Văn Hải				x			
Lưu Thị Thành						x	
Khiếu Thị Hoài						x	
Nguyễn Thị Thanh Thảo						x	
Hoàng Thảo Nguyên			x				
Lê Thị Hường			x				
Võ Lê Anh				x			
Phạm Thị Thanh Hường				x			
Võ Thị Ni						x	
Nguyễn Thị Sơn						x	
Hoàng Thị Thảo Miên			x				
Lưu Trần Thạch Thảo				x			
Hồ Phước Ngọc Tuyền				x			
Lê Việt Anh				x			

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CD
Vương Tây Thành				x			
Trần Thị Thanh Tâm						x	
Nguyễn Thị Sang						x	
Phạm Thị Thanh Hiền						x	
Lê Ngọc Linh						x	
Nguyễn Thị Mỹ Duyên				x			
Nguyễn Thị Tuyết				x			
Lương Thị Thu Hà				x			
Lê Phương Bình				x			
Nguyễn Hạ Quyên				x			
Phan Thị Minh Phương				x			
Nguyễn Xuân Hải						x	
Phan Thanh Dũng						x	
Võ Thị Dạ Thảo						x	
Lý Văn Ngọc				x			
Tổng khối ngành VII	0	0	4	19	0	12	
Tổng GV toàn trường	1	5	12	45	23	24	

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CD
Khối ngành III							
Hoàng Lê Uyên Thảo				x			
Lê Thị Minh Hường				x			
Phạm Thị Bích Vân				x			
Phạm Thị Thanh Huyền				x			
Nguyễn Thị Thu Hà				x			
Phạm Thị Hoàng Mỹ				x			
Trần Phụng Trân				x			
Trần Thị Hải				x			
Lê Thị Quỳnh Anh				x			
Đỗ Thị Thủy				x			
Nguyễn Thị Ngọc Dung				x			
Nguyễn Thị Lê Loan				x			
Trần Thị Hoài Nam				x			

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CD
Châu Minh Ngọc				x			
Từ Thị Hải Yến				x			
Đặng Thị Kim Thoa				x			
Phạm Thị Thu Ba				x			
Tổng khối ngành III	0	0	0	17	0	0	0
Khối ngành V							
Nguyễn Quốc Vương				x			
Đặng Ngọc Huy				x			
Đào Ngọc Tuấn Anh				x			
Nguyễn Hoàng Hà			x				
Nguyễn Hoàng Sơn			x				
Lê Công Đạo				x			
Nguyễn Dũng				x			
NGUYỄN KIM TUẤN				x			
Tổng khối ngành III	0	0	2	6	0	0	
Khối ngành VI							
Lê Vũ Khánh Trang				x			
Hoàng Trọng Sĩ		x					
Lê Trung Thọ		x					
Nguyễn Hải Thủy	x						
Tổng khối ngành VI	1	2	0	1	0	0	
Khối ngành VII							
Phan Phụng Dũng				x			
Phan Trọng Toàn				x			
Tôn Nữ Xuân Phương				x			
Trần Thị Thanh Châu				x			
Trần Thị Hà						x	
Nguyễn Phạm Thanh Uyên				x			
Trần Anh Huy				x			
Nguyễn Thị Cẩm Tú				x			
Trần Thị Giang Hiền				x			
Võ Thị Mai Hoa			x				
Lê Văn Thăng			x				
Đoàn Thị Minh Hoa				x			

Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	CKI, CKII	ĐH	CD
Liêu Thị Thanh Nhân				x			
Phan Thị Phương Hạnh				x			
Trần Truyền Tuấn				x			
Tạ Thị Kim Nhung				x			
Phùng Tấn Đông				x			
Nguyễn Duy Hới				x			
Nguyễn Tuấn Vĩnh			x				
Phạm Phú Phong				x			
Hoàng Sĩ Nguyên			x				
Nguyễn Thị Vũ Hoài				x			
Nguyễn Thị Mỹ Lộc				x			
Đoàn Thị Thông				x			
Nguyễn Văn Hiếu						x	
Phan Thị Thùy Dương				x			
Đặng Hồng Cam Vũ				x			
Võ Vinh Quang			x				
Vũ Đình Bảy			x				
Trần Vũ Nguyên				x			
Lưu Anh Rô				x			
Nguyễn Văn Quảng				x			
Trần Đình Nhân				x			
Trần Thị Cẩm Tú				x			
Nguyễn Xuân Hồng			x				
Xa Doãn Hồng Thủy				x			
Ngô Thị Thảo Quỳnh				x			
Nguyễn Văn Cường				x			
Nguyễn Thị Tố Châu				x			
Tổng khối ngành VII	0	0	7	30	0	2	0
Tổng GV toàn trường	1	2	9	54	0	2	0

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó, số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành III	200		10		6		6	
Nhóm ngành V	200		12		4		4	
Nhóm ngành VII	500		48		31		31	
Tổng	900		70		41		41	

6. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 4,135 tỷ
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 10 triệu / 1 năm

Nơi nhận:

- Bộ GD-ĐT;
- BGH (để biết);
- Phòng Tuyển sinh, ĐT;
- Các khoa, phòng, ban;
- Website;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG